

HOA NÔNG NỮ CHÔ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :305

Sang : Hủ tíu mọc thòt nam mỗp bap ca rot
gia hủ
Sữa grow
Trởa : Cơm ca diều hòng sot cam bông cải.
Canh bí hủ nỏc cot dũa.thòt heo nạc
Món luộc: rau đen
Xe: sữa chua viết quýt
Xe chiều: Sup thòt của tởi nam tuyết ca rot
trồng cut trồng gà ngó rí

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37025				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân giá(đ/100g)	Thành tiền(đ)
	*CHÔ			
1	Ram (mười)	500	1,060	5,300
2	Mọc viên*	1,500	16,500	247,500
3	Cua ghe	700	91,850	642,950
4	Cà diếp	9,500	22,680	2,154,600
5	Nỏc măm Ca (loại 1)	3,000	6,160	184,800
6	Dầu thảo mộc	2,000	6,280	125,600
7	Nỏc cat	3,000	3,880	116,400
8	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
9	Gạo tẻ may	15,000	2,630	394,500
10	Hủ tíu	16,000	1,820	291,200
11	Bột mì tinh	3,000	3,740	112,200
12	Ngó (bap) tởi	1,000	4,200	42,000
13	Hành lã	1,500	8,400	126,000
14	Hành củ tởi	1,000	6,300	63,000
15	Ca rot	5,500	5,670	311,850
16	Gia nấu xanh	1,000	2,730	27,300
17	Nam rôm	500	14,180	70,900
18	Mỗp	2,000	4,520	90,400
19	Hủ lã	100	6,090	6,090
20	Nam tuyết*	300	42,900	128,700
21	Bí ngó (Bí hủ)	10,000	4,520	452,000
22	Rau đen	3,500	4,830	169,050
23	Sup lỏ	2,000	9,770	195,400
24	Rau ngó (Rau mủi)	100	8,930	8,930
25	Nỏc cot dũa	1,300	8,510	110,630
26	Thòt lỏn nạc	7,600	17,850	1,356,600
27	Cam	4,000	4,620	184,800
28	Trồng gà toàn phần	3,500	4,400	154,000
29	Trồng cut	3,200	13,000	416,000
30	Yaourt	30,500	5,950	1,814,750
Cong				10,042,150
	*XUẤT KHO			
31	Sữa bột Abbot Grow	6,100	20,500	1,250,500
Cong				1,250,500
Tổng tiền thức phẩm				11,292,650 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nỏc chi trong ngày				11285000(đ)
Số đồ nấu ngày				0(đ)
Số đồ cuối ngày				-7650(đ)
Xuất ăn lủy kê tở nấu thang				
Tiêu chuẩn lủy kê tở nấu thang				
Tiền chi lủy kê tở nấu thang				